

Bản án số: 02/2021/DS - ST

Ngày: 21/5/2021

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Hữu Thỏa và bà Lê Thị Thường.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Lệ Giang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2021/TLST - DS ngày 18/01/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1958; có mặt

Nơi cư trú: Khối E, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Ngọc T, sinh năm 1957; có mặt.

Nơi cư trú: Khối E, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Anh Võ Văn N, sinh năm 1971; vắng mặt

Nơi cư trú: Khối D, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2021, bản tự khai ngày 12/3/2021, biên bản hòa giải ngày 12/3/2021 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của

nguyên đơn ông Hồ Ngọc T trình bày: Vào ngày 27/4/2020 bà Nguyễn Thị Kim L là vợ ông có cho anh Võ Văn N vay số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Hai bên đã giao nhận tiền; giấy vay do anh N viết và ký tên, hai bên không thỏa thuận về lãi suất, không thế chấp tài sản. Từ khi vay đến nay bà L đã nhiều lần yêu cầu anh N trả nợ nhưng anh N chưa trả cho bà L khoản vay trên. Nay bà L khởi kiện yêu cầu anh Võ Văn N phải trả cho bà L số tiền 350.000.000đ, không yêu cầu lãi suất.

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kim L trình bày: Ngày 27/4/2020 bà có cho anh Võ Văn N vay số tiền 350.000.000đ. Hai bên đã giao nhận tiền; giấy vay do anh N viết và ký tên, vay không lãi suất. Sau hơn một tháng từ khi vay đến nay bà đã nhiều lần yêu cầu anh N trả nợ nhưng anh N không trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu anh N phải trả cho bà số tiền 350.000.000đ, bà không yêu cầu lãi suất.

Tại bản tự khai ngày 12/3/2021, biên bản hòa giải ngày 12/3/2021 bị đơn anh Võ Văn N trình bày: Ngày 27/4/2020 anh có vay của bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng), vay không lãi suất. Anh có viết giấy biên nhận vay tiền và ký tên. Mục đích của việc vay tiền là để mua đất. Quá trình vay cho đến nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh chưa trả cho bà L khoản tiền nào. Tại phiên hòa giải ngày 12/3/2021, đại diện theo ủy quyền của bà L yêu cầu anh trả cho bà L số tiền 350.000.000đ tiền vay thì anh đồng ý trả.

Ngày 13/3/2021 anh Võ Văn N có đơn đề nghị không công nhận nội dung hòa giải thành ngày 12/3/2021 và cho rằng ông T là chồng bà L có nợ tiền và không chịu trả cho anh nên thay đổi ý kiến.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án Dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về tố tụng: Anh Võ Văn N có nơi cư trú tại khối D, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu.

Bị đơn, anh Võ Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[3] Về nội dung:

Trên cơ sở chứng cứ và tài liệu có tại hồ sơ, lời khai của các đương sự có đủ cơ sở để kết luận ngày 27/4/2020 anh Võ Văn N có vay bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 350.000.000đ.

Theo giấy biên nhận 27/4/2020 do nguyên đơn cung cấp và trong quá trình giải quyết vụ án đã thể hiện nguyên đơn đã đòi tiền nhiều lần nhưng bị đơn không trả, là khoản vay không lãi suất do đó xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không lãi suất theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự.

Anh N cho ông T là chồng bà L có nợ tiền anh nên không đồng ý trả cho bà L nhưng đây là khoản vay giữa anh N và bà L; anh N cũng không có tài liệu gì để chứng minh khoản vay này có L quan đến trách nhiệm đối trừ N vụ trả tiền từ ông T nên việc anh N từ chối trả tiền cho bà L là không có căn cứ.

Nếu anh N có tài liệu chứng minh ông Hồ Ngọc T nợ tiền thì anh N có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có đủ tài liệu chứng minh.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh N đều thừa nhận số tiền vay, vay không lãi suất, giấy biên nhận vay tiền là do anh viết viết và ký.

Như vậy, hợp đồng vay tài sản giữa anh Võ Văn N và bà Nguyễn Thị Kim L là hợp pháp, đảm bảo đúng quy định của pháp luật; anh N không thực hiện N vụ trả nợ nên bà L khởi kiện đòi lại số tiền cho vay là có căn cứ.

[4] Do vậy, đủ cơ sở kết luận để buộc anh Võ Văn N phải thực hiện N vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền vay là 350.000.000đ theo giấy biên nhận ngày 27/4/2020.

[5] Về án phí: Nguyên đơn đã trên 60 tuổi nên không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí của số tiền 350.000.000đ phải trả là 17.500.000đ.

*Bởi các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ các Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự. Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc anh Võ Văn N phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) theo giấy biên nhận ngày 27/4/2020.

3.Án phí: Buộc anh Võ Văn N phải chịu 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật THADS. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THADS.

5.Đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ an
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Ngọc Hà**